BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Số: 980 /QĐ-HV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định tổ chức đào tạo và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy – Chương trình chất lượng cao của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị quyết số 22/QĐ-NQ ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 07 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này **Quy định tổ chức đào tạo và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy – Chương trình chất lượng cao** của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Giám đốc phụ trách Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, Chánh văn phòng, Trưởng các phòng: Giáo vụ, Đào tạo, Chính trị và Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý NCKH&HTQT; Trưởng Trung tâm KT&ĐBCLGD, Trưởng Khoa đào tạo 1 và 2, Trưởng Bộ môn Marketing, Giám đốc Trung tâm đào tạo quốc tế và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc HV *(để b/c)*;
- Lưu VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

TS. Vũ Tuấn Lâm

QUY ĐỊNH TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ KIỂM TRA CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY – CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO

(Kèm theo Quyết định số 960/QĐ-HV ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về tổ chức kiểm tra đánh giá, phân loại trình độ tiếng Anh; tổ chức lớp học phần tiếng Anh; điều kiện miễn học, miễn thi và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trước khi tốt nghiệp đối với sinh viên đại học hệ chính quy – chương trình chất lượng cao của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (viết tắt là Học viện).

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân liên quan trong đào tạo chương trình chất lượng cao trình độ đại học hệ chính quy của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Điều 2. Mục đích

1. Quy định này nhằm chuẩn hóa tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh; đảm bảo sinh viên được đào tạo đầy đủ 4 kỹ năng sử dụng tiếng Anh là nghe, nói, đọc, viết; và chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh theo chuẩn quốc tế.

2. Quy định này nhằm đảm bảo sinh viên được đào tạo và đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh theo chuẩn quốc tế trước khi tốt nghiệp.

Điều 3. Khung chương trình đào tạo chuẩn môn học tiếng Anh theo chuẩn TOEFL iBT quốc tế

Khóa học	Điểm yêu cầu đầu vào	Điểm yêu cầu đầu ra	Tổ chức đào tạo		Thời gian chuẩn	Ghi chú
			Tự học trực tuyến	Học trực tiếp		
Kiểm tra trình độ tiếng Anh (TA) đầu vào						
Course 0 – *Học phần bổ trợ* (6 tín chỉ)	(<360 TOEFL ITP Placement)	(~449+ TOEFL ITP Placement)	~4h/unit/tuần Tổng số: 60 giờ online	- 2 buổi/tuần; - 3 tiết/buổi; - Tổng số: 90 tiết.	Theo kế hoạch đào tạo riêng	- Đối tượng bắt buộc: sinh viên chưa đạt điểm đầu vào; - Kết quả học tập không tính vào điểm TBC tích lũy
Course 1_CLC (8 tín chỉ)	A2 (30+)*	B1 (45+)*	4h/unit/tuần Tổng số: 60 giờ online	- 2 buổi/tuần; - 4 tiết/buổi; - Tổng số: 120 tiết.	15 tuần	
Course 2_CLC (8 tín chỉ)	B2 (45+)*	B2 (59+)*	4h/unit/tuần Tổng số: 60 giờ online	- 2 buổi/tuần; - 4 tiết/buổi; - Tổng số: 120 tiết.	15 tuần	
Course 3_CLC (8 tín chỉ)	B2 (59+)*	B2+ (70+)*	4h/unit/tuần Tổng số: 60 giờ online	- 2 buổi/tuần; - 4 tiết/buổi; - Tổng số: 120 tiết.	15 tuần	
Kiểm tra trình độ tiếng Anh đảm bảo chuẩn đầu ra						

(*): thang điểm số theo thang điểm bài thi TOEFL iBT quốc tế

Điều 4. Tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh

1. Sinh viên bắt buộc phải tham dự kỳ kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh theo bài thi TOEFL ITP Placement test để phân loại và xét tuyển vào Chương trình chất lượng cao.

2. Kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh còn được sử dụng làm căn cứ để phân loại trình độ tiếng Anh và bố trí lớp học vào chương trình học tiếng Anh.

3. Miễn kiểm tra trình độ tiếng Anh:

Sinh viên đã có các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế, còn trong thời hạn quy định và do các Trung tâm khảo thí được ủy quyền cấp, thỏa mãn yêu cầu trình độ tiếng Anh đầu vào của chương trình đào tạo môn tiếng Anh được quy định tại Điều 3 của Quy định này.

4. Phân loại trình độ tiếng Anh của sinh viên như sau:

a) **Nhóm 1:** Sinh viên có kết quả kiểm tra tiếng Anh đạt từ 360 điểm theo bài thi phân loại trình độ TOEFL ITP Placement Test trở lên;

b) **Nhóm 2:** Sinh viên có kết quả kiểm tra tiếng Anh thấp hơn 360 điểm theo bài thi phân loại trình độ TOEFL ITP Placement Test và vẫn có nguyện vọng theo học Chương trình chất lượng cao.

5. Sinh viên thuộc Nhóm 2 sẽ phải học và đạt học phần tiếng Anh bổ trợ (Course 0_CLC) để được xét chính thức vào Chương trình chất lượng cao và đăng ký các học phần tiếng Anh chính thức trong chương trình đào tạo.

6. Trước khi tốt nghiệp, Học viện sẽ tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh đối với sinh viên theo chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh Chương trình chất lượng cao của Học viện.

Điều 5. Tổ chức lớp học phần tiếng Anh

1. Các sinh viên thuộc Nhóm 1 như quy định tại khoản 4 Điều 4 và các sinh viên thuộc khoản 3 Điều 4 của Quy định này sẽ được xếp vào các lớp học phần tiếng Anh chính thức trong chương trình đào tạo, bắt đầu từ Course 1_CLC trong chương trình khung tiếng Anh và phải tích lũy đủ 24 tín chỉ theo chương trình.

2. Các sinh viên thuộc Nhóm 2 như quy định tại khoản 4 Điều 4 thực hiện như sau:

a) Sinh viên phải học và đạt học phần tiếng Anh bổ trợ (Course 0_CLC trong chương trình khung tiếng Anh);

b) Sau khi hoàn thành tích lũy học phần tiếng Anh bổ trợ và đạt trình độ tối thiểu từ 360 điểm TOEFL ITP trở lên, đã được xét chính thức vào Chương trình chất lượng cao sẽ được đăng ký vào các lớp học phần tiếng Anh chính thức trong chương trình đào tạo;

c) Sinh viên phải đóng học phí học học phần tiếng Anh bổ trợ theo quy định của Học viện.

Điều 6. Miễn học, miễn thi và chuyển điểm các học phần tiếng Anh

1. Sinh viên có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do các Trung tâm khảo thí được ủy quyền cấp, còn hiệu lực (tính đến tháng mà sinh viên nộp đơn đề nghị miễn học,

miễn thi) và thỏa mãn điều kiện theo quy định sẽ được xem xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm sang điểm học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo.

2. Việc xét miễn học, miễn thi tiếng Anh được áp dụng với từng học phần (course) theo tiến trình đào tạo chuẩn hoặc với môn học tiếng Anh; thời hạn xét miễn học, miễn thi là vào đầu mỗi học kỳ tương ứng với học phần (course) tiếng Anh xin miễn học, miễn thi hoặc trong năm học thứ nhất đối với miễn học, miễn thi môn học tiếng Anh.

3. Việc xét miễn học, miễn thi học phần tiếng Anh không áp dụng cho các học phần tiếng Anh chuyên ngành (nếu có).

4. Việc xét chuyển điểm các học phần (course) tiếng Anh chỉ áp dụng đối với các sinh viên đã đăng ký, tham gia học và thi các học phần (course) tiếng Anh trong chương trình đào tạo.

5. Sinh viên có nhu cầu chuyển điểm các học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo phải nộp chứng chỉ tiếng Anh theo yêu cầu tại khoản 1 của Điều này trước khi tốt nghiệp theo Thông báo của Học viện (phòng Giáo vụ).

6. Sinh viên được miễn học và miễn thi phải hoàn thành nghĩa vụ học phí, phí chuyển điểm đối với các học phần (course) tiếng Anh được miễn theo quy định của Học viện.

7. Sinh viên chỉ được miễn học, miễn thi hoặc chuyển điểm các học phần (course) tiếng Anh sau khi có Quyết định của Giám đốc Học viện.

8. Bảng điểm quy đổi để chuyển điểm các học phần tiếng Anh quy định tại Phụ lục 2 của quy định này.

9. Các quy định khác về xét miễn học, miễn thi thực hiện theo các quy định hiện hành của Học viện.

Điều 7. Quy trình, thủ tục xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm

1. Hàng năm, đầu mỗi kỳ học, Học viện sẽ tổ chức xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm cho sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh đáp ứng yêu cầu của quy định.

2. Sinh viên có nhu cầu miễn học, miễn thi và chuyển điểm phải làm đơn theo mẫu (Phụ lục 3) kèm theo bản sao có công chứng các chứng chỉ tiếng Anh cho Học viện (phòng Giáo vụ), khi nộp đơn phải mang theo bản gốc để kiểm tra, đối chiếu.

3. Học viện sẽ ra quyết định công nhận việc miễn học, miễn thi và chuyển điểm cho sinh viên trong thời gian 10 ngày làm việc.

Điều 8. Kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trước khi tốt nghiệp

1. Bài thi kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh Chương trình chất lượng cao là bài thi TOEFL iBT chuẩn quốc tế.

2. Kết quả kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh có giá trị để xét đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh trong thời gian 24 tháng.

3. Những sinh viên có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do Trung tâm khảo thí quốc tế ủy quyền với kết quả bằng hoặc cao hơn so với chuẩn đầu ra tiếng Anh, còn

thời hạn tính đến thời điểm xét chuẩn đầu ra được miễn kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh (Phụ lục 1).

4. Các trường hợp đặc biệt khác do Giám đốc Học viện quyết định.

Điều 9. Công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh trước khi tốt nghiệp

1. Sinh viên đạt 70 điểm trở lên theo bài thi TOEFL iBT chuẩn quốc tế sẽ được công nhận là đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh Chương trình chất lượng cao trình độ đại học.

2. Sinh viên có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do Trung tâm khảo thí quốc tế ủy quyền và còn hiệu lực tính đến thời điểm xét công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh, có mức bằng hoặc cao hơn so với chuẩn đầu ra được công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh.

3. Giá trị công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh có hiệu lực 24 tháng kể từ ngày ký quyết định công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo môn học tiếng Anh được áp dụng triển khai từ khoá tuyển sinh đào tạo Chương trình chất lượng cao trình độ đại học năm 2020 trở đi.

2. Phòng Tài chính kế toán chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất mức thu chi cho dịch vụ tổ chức đào tạo học phần tiếng Anh bổ trợ trên cơ sở nguyên tắc cân đối thu chi và trình Giám đốc Học viện ban hành.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc thì các đơn vị phản ánh bằng văn bản về phòng Đào tạo để tổng hợp trình Giám đốc Học viện.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

TS. Vũ Tuấn Lâm

PHỤ LỤC 1: BẢNG QUI ĐỔI CHI TIẾT TRÌNH ĐỘ, NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO

(Kèm theo Quyết định số 850 /QĐ-HV ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện)

Trình độ	Bậc (KNLNNVN)	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Bài thi Aptis General của British Council (điểm */200)	Bài thi Jetset của Pearson	Các bài thi TA Cơ bản của Cambridge (điểm*/230)		Các bài thi tiếng Anh học thuật		
							IELTS (điểm*/9)	TOEFL iBT (điểm*/120)	TOEFL ITP (điểm*/677)
Cao cấp	6	C2	Aptis C	Jetset Level 6	CPE (200-230) CAE (200-210)	BEC Higher (200-230)	8.0-9.0	110-120	650-677
	5	C1	Aptis C		CPE (180-199) CAE (180-199) FCE (180-190)	BEC Higher (180-199)	7.5	102-109	627-649
							7.0	94-101	590-626
Trung cấp	4C	B2	Aptis B2	Jetset Level 5	CAE (160-179) FCE (160-179) PET (160-170)	BEC Vantage (160-179)	6.5	79-93	561-589
	4B						6.0	60-78	543-560
	4A						5.5	46-59	500-542
	3B	B1	Aptis B1	Jetset Level 4	FCE (152-159) PET (152-159)	BEC Preliminary (153-159)	5.0	35-45	485-499
	3A				FCE (140-152) PET (140-152)	BEC Preliminary (140-152)	4.5	31-34	450-484
Sơ cấp	2B	A2			PET (120-139) KET (100-120)	BEC Preliminary (120-139)	4.0	30	360-449
	2A						3.5		337-359
	1	A1					3.0		

KET: Key English Test
PET: B1 Preliminary
FCE: B2 First for Schools
CAE: C1 Advanced
CPE: C2 Proficiency

Aptis: A test system conducted by Bristish Council
JETSET: Junior English Tests and Senior English Tests
BEC Vantage: B2 Business Vantage (Business English Certificate)
BEC Higher: C1 Business Higher (Business English Certificate)

IELTS: International English Language Testing Service
TOEFL: Test of English as a Foreign Language

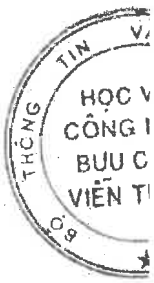

PHỤ LỤC 2: BẢNG QUI ĐỔI CHUYỂN ĐIỂM CHI TIẾT TRÌNH ĐỘ, NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO

(Kèm theo Quyết định số 761/QĐ-HV ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện)

Trình độ	Bậc (KNLNN VN)	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Aptis General của British Council	Bài thi Jetset của Pearson	Các bài thi TA Cơ bản của Cambridge (điểm*/230)		Các bài thi TA Học thuật			Điểm quy đổi, chuyển điểm các học phần tiếng Anh Chất lượng cao		
							IELTS (điểm*/9)	TOEFL iBT (điểm*/120)	TOEFL ITP (điểm*/677)	Course 1_CLC	Course 2_CLC	Course 3_CLC
Cao cấp	6	C2	Aptis C	Jetset Level 6	CPE (200-230) CAE (200-210)	BEC Higher (200-230)	8.0-9.0	110-120	650-677	10	10	10
	5	C1	Aptis C		CPE (180-199) CAE (180-199) FCE (180-190)	BEC Higher (180-199)	7.5	102-109	627-649	10	10	10
							7.0	94-101	590-626	10	10	10
Trung cấp	4C	B2	Aptis B2	Jetset Level 5	CAE (160-179) FCE (160-179) PET (160-170)	BEC Vantage (160-179)	6.5	79-93	561-589	10	10	10
	4B						6.0	60-78	543-560	10	9	9
	4A						5.5	46-59	500-542	9	8	8
	3B	B1	Aptis B1	Jetset Level 4	FCE (152-159) PET (152-159)	BEC Preliminary (153-159)	5.0	35-45	485-499	8	7	6
	3A				FCE (140-152) PET (140-152)	BEC Preliminary (140-152)	4.5	31-34	450-484	7	6	5
Sơ cấp	2B	A2			PET (120-139) KET (100-120)	BEC Preliminary (120-139)	4.0	30	360-449	Không áp dụng		
	2A						3.5		337-359	Không áp dụng		
	1	A1					3.0			Không áp dụng		

KET: Key English Test
PET: B1 Preliminary
FCE: B2 First for Schools
CAE: C1 Advanced
CPE: C2 Proficiency

Aptis: A test system conducted by British Council
JETSET: Junior English Tests and Senior English Tests
BEC Vantage: B2 Business Vantage (Business English Certificate)
BEC Higher: C1 Business Higher (Business English Certificate)

IELTS: International English Language Testing Service
TOEFL: Test of English as a Foreign Language